

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-7-2023
V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH - TỈNH YÊN BÁI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Anh Đào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Thái

2. Ông Trần Ngọc Đức

- **Thư ký phiên toà:** Bà Đinh Thị Kim Thao – Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên toà:**
Ông Nguyễn Quang Tân – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2023/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc: “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 27-6-2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Bàn Văn H, sinh năm 1980.

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã Y, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Tạm trú: Thôn 9, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- **Bị đơn:** Chị Đặng Thị B, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Y, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

(Anh H và chị B đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Bàn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đặng Thị B được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ

chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do chị B có tình cảm với người khác, không quan tâm đến chồng con. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là từ năm 2010 thì vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm với chị B không còn. Đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị B là vợ chồng.

Về con chung: Giữa anh và chị Đặng Thị B có 03 con chung là Bàn Văn N, sinh ngày 15-5-2000; Bàn Thị K, sinh ngày 09-02-2003; Bàn Thị O, sinh ngày 09-02-2003. Hiện nay các con đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Đặng Thị B nhưng chị B không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, không đến tòa để giải quyết việc anh H yêu cầu Tòa án không công nhận anh H và chị là vợ chồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; **Điều 238**; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bàn Văn H để xử không công nhận anh Bàn Văn H và chị Đặng Thị B là vợ chồng. Về án phí: Anh Bàn Văn H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là chị Đặng Thị B có hộ khẩu thường trú tại Thôn C, xã Y, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

Nguyên đơn là anh Bàn Văn H và bị đơn là chị Đặng Thị B đều có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử vắng mặt anh H, chị B là đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bàn Văn H và chị Đặng Thị B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quan hệ vợ chồng. Việc anh H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng là có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình để xử không công nhận anh Bàn Văn H và chị Đặng Thị B là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Bàn Văn H và chị Đặng Thị B có 03 con chung là Bàn Văn N, sinh ngày 15-5-2000; Bàn Thị K, sinh ngày 09-02-2003; Bàn Thị O,

sinh ngày 09-02-2003. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không đặt vấn đề giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Bàn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Bàn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Bàn Văn H và chị Đặng Thị B là vợ chồng.

2. Về án phí: Anh Bàn Văn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số AA/2021/0000613 ngày 24/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình. (Xác nhận anh Bàn Văn H đã nộp đủ).

Anh Bàn Văn H và chị Đặng Thị B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Bình;
- Chi cục THADS huyện Yên Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Thành;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Anh Đào

